

Nhà nước kiến tạo phát triển - Khái niệm và những yếu tố thành công

Ngô Huy Đức^(*)

Nguyễn Thị Thanh Dung^(**)

Tóm tắt: *Tại phiên họp thường kỳ đầu tiên sau khi nhậm chức Thủ tướng Chính phủ (tháng 4/2016), Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc khẳng định: “Việc cải cách thể chế - cái đích lớn nhất của cải cách hành chính, sẽ được thực hiện theo hướng chuyển mạnh từ Nhà nước điều hành nền kinh tế sang Nhà nước kiến tạo phát triển”. “Chính phủ chuyển phương thức chỉ đạo điều hành từ mệnh lệnh hành chính sang Chính phủ kiến tạo và phục vụ”. Cùng với đó, sẽ phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và chức năng thị trường, hạn chế và tiến tới xóa bỏ cơ chế xin cho. Chính phủ sẽ tập trung xây dựng thể chế, cơ chế chính sách cho đầu tư, phát triển. Vậy, “nhà nước kiến tạo phát triển” là gì? Tại sao cần đặt vấn đề xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển trong điều kiện tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay? Đây là những giải pháp để đạt mục tiêu xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam? Bài viết xin góp ý kiến để giải mã nội hàm khái niệm nhà nước kiến tạo phát triển và chỉ ra những yếu tố thành công của mô hình đó.*

Từ khóa: Nhà nước kiến tạo phát triển, Quản lý hành chính, Mô hình nhà nước, Mô hình Nhật Bản

I. Nội hàm của Nhà nước kiến tạo phát triển

Khái niệm Nhà nước kiến tạo phát triển được học giả Chalmers Ashby Johnson đưa ra lần đầu năm 1982, với nội dung là “một mô hình quản lý trong đó nhà nước đề ra các chính sách mang tính định hướng phát triển, tạo môi trường và điều kiện cho các thành phần kinh tế phát huy mọi tiềm năng trong môi trường cạnh

tranh và hội nhập quốc tế; tăng cường giám sát để phát hiện các mất cân đối có thể xảy ra, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô” (Chalmers Johnson, 1982).

Chalmers Johnson đã chỉ ra vai trò rất khác biệt của Chính phủ Nhật Bản, mà nổi bật là Bộ Công thương và Thương mại quốc tế (MITI), trong việc đảm bảo một tốc độ tăng trưởng rất cao từ sau Thế chiến II. Sự khác biệt quan trọng nhất không phải là sự can thiệp của nhà nước, mà là *cách thức mà nhà nước can thiệp vào nền kinh tế*. Johnson chỉ ra, Nhật Bản

^(*), ^(**) TS., Viện Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Email: ngohuyduc@gmail.com

mặc dù về cơ bản cũng đi theo mô hình TBCN và dân chủ phương Tây, nhưng lại thể hiện sự khác biệt mà như ông mô tả là dù “nhà nước không phải đóng vai trò thống soái” như trong các nước XHCN, nhưng cũng không đóng vai trò thụ động “điều chỉnh” như ở các nước Anh, Mỹ, mà có một vai trò lớn hơn nhiều, đặc biệt trong việc định hướng và tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực kinh tế trọng tâm một cách nhất quán và trong thời gian dài. Ông dùng khái niệm “*nhà nước [kiến tạo] phát triển*” (Developmental state - DS) để chỉ sự khác biệt đó (Chalmers Johnson, 1982).

Như vậy, nhà nước kiến tạo phát triển là nhà nước TBCN (Capitalist state) nên khác với “các nhà nước XHCN” dù gần gũi về tính chất chỉ huy, định hướng kế hoạch phát triển. Mặt khác, nó cũng khác với “nhà nước điều chỉnh” (Regulatory state - RS) cho dù đều coi trọng thị trường và sở hữu tư nhân. Trong những năm 1980-2000, có thể nói cùng với sự trỗi dậy mạnh mẽ của các nước công nghiệp mới (NICs) ở Đông Á như Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, v.v..., khái niệm “nhà nước kiến tạo phát triển” và các lập luận xung quanh sự ưu việt của nó càng được quan tâm và tranh luận rộng rãi, và thậm chí còn được coi là “phát triển quan trọng nhất” của khoa học chính trị trong những năm cuối thế kỷ XX. Khái niệm nhà nước kiến tạo phát triển có nguồn gốc từ “Mô hình Nhật Bản” sau này đã được phát triển và áp dụng cho một loạt nước, đặc biệt là các nước công nghiệp mới ở Đông Á.

Ý tưởng về mô hình nhà nước kiến tạo phát triển tiếp tục được các nhà nghiên cứu bổ sung, phát triển trên cơ sở những phân tích, tổng kết thực tiễn sinh động và phong phú ở một số nền kinh tế phát triển, điển hình là Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore.

Trong một nghiên cứu năm 2003, Ha-Joon Chang đã làm rõ vai trò của nhà nước trong kinh tế và phát triển. Ông đánh giá các lý thuyết và sự can thiệp thực tế của nhà nước đối với phát triển trong hơn hai thế kỷ của CNTB hiện đại. Ha-Joon Chang dùng phương pháp tiếp cận thể chế khi phân tích vai trò của nhà nước trong sự thay đổi kinh tế, xem xét các vấn đề liên quan đến chính sách công nghiệp, chính sách thương mại, quyền sở hữu trí tuệ, quy định và các chiến lược đối với các tập đoàn xuyên quốc gia. Ông kết nối các lý thuyết với các trường hợp lịch sử phức tạp để minh chứng cho vai trò thiết yếu và mang tính xây dựng của nhà nước trong phát triển kinh tế (Ha-Joon Chang, 2003). Ở một nghiên cứu khác, Ha-Joon Chang đề cập đến các quan điểm lý luận về chi phí cạnh tranh điều phối quản lý xung đột, các quan điểm về phát triển kinh tế Đông Á hiệu quả, về việc khuyến khích các chính sách công nghiệp, công nghiệp hóa gắn với đổi mới thể chế và các tổ chức kinh tế, các tổ chức chính trị và doanh nghiệp xuất khẩu, về vấn đề chế độ sở hữu trí tuệ ở Nhật Bản và Hàn Quốc (Ha-Joon Chang, 2010).

Cũng bàn về vai trò của nhà nước đối với nền kinh tế, Daron Acemoglu và James Robinson lập luận rằng: sở dĩ có quốc gia thành công, ngày càng thịnh vượng và có quốc gia thất bại, không cải thiện được đáng kể tình trạng nghèo nàn, là do sự khác biệt chủ yếu về thể chế (kinh tế và chính trị). Các tác giả cho rằng, về cơ bản có thể chia thể chế kinh tế thành 2 loại khác biệt (đối ngược) nhau:

- Thể chế kinh tế có tính dung nạp (Inclusion economic institution): có đặc điểm là “khuyến khích mọi thành phần trong xã hội tham gia vào các hoạt động kinh tế, cho họ cơ hội phát huy tài năng và

cống hiến. Quyền lực được chia sẻ rộng rãi. Để làm được như vậy, xã hội cần phải đảm bảo quyền sở hữu, luật pháp không thiên vị, và cung cấp các dịch vụ công cho mọi tầng lớp để đảm bảo sự công bằng trong quá trình trao đổi, giao dịch. Ngoài ra, xã hội cũng cần khuyến khích sự phát triển của các doanh nghiệp mới và cho mọi người cơ hội lựa chọn ngành nghề của họ” (Daron Acemoglu, James Robinson, 2012: 204).

- Thể chế kinh tế có tính bòn rút (Extractive economic institution): “trái ngược với thể chế có tính dung nạp, thể chế có tính bòn rút tập trung quyền lực vào một số ít người hoặc nhóm lợi ích. Các nhóm lợi ích này nắm phần lớn tài sản quốc gia và khai thác tài nguyên của đất nước. Các nhóm lợi ích trong môi trường thể chế này thường chống lại sự phát triển của các thể chế có tính dung nạp vì nó đe dọa sự tồn tại và lợi ích của họ. Đó cũng là lý do vì sao một khi kiểu thể chế này đã hình thành thì rất khó để thay đổi. Ai cũng muốn bảo vệ lợi ích của mình, nhất là khi lợi ích đó rất lớn” (Daron Acemoglu, James Robinson, 2012: 205).

Qua những nghiên cứu trên có thể thấy, ở tầm khái quát nhất, nhà nước kiến tạo phát triển có thể được định nghĩa là nhà nước với vai trò *chủ động và tích cực* trong phát triển kinh tế. “Sự chủ động và tích cực” có hàm ý là ngược với *sự thụ động* của nhà nước đi theo quan điểm thị trường tự do (*laissez-faire capitalism*). Nếu nhìn nhận rộng như vậy, có thể thấy nhà nước kiến tạo phát triển đã từng tồn tại từ rất lâu và ở nhiều nước rất khác nhau cả về điều kiện tự nhiên và xã hội. Nhận định này cũng đã được thấy qua khảo sát của A.K. Bagchi về vai trò của các nhà nước. Ông chỉ rõ, các nhà nước kiến tạo phát triển đã từng tồn tại trong

lịch sử ở một số nước phát triển ngày nay như Hà Lan, Đức, Anh, v.v... Tuy nhiên, ông cũng đưa cả Liên Xô và Trung Quốc thời kỳ trước những năm 1980 vào danh sách các nước nhà nước kiến tạo phát triển (A.K. Bagchi, 2003).

Vấn đề về nhà nước kiến tạo phát triển có thể được nhìn nhận hẹp hơn trong điều kiện hiện nay, khi mà phần lớn các nước đều chấp nhận sở hữu tư nhân và nền kinh tế thị trường cạnh tranh như là cách thức chính trong tổ chức hoạt động kinh tế. Sâu xa hơn, khái niệm này phản ánh một quan điểm khác trong cuộc tranh luận về mối quan hệ giữa “nhà nước và thị trường” trong chính trị học và kinh tế học. Câu hỏi chính yếu ở đây là: Nhà nước nên *chủ động dẫn dắt, kiến tạo* hay nên để cho các tín hiệu (cung-cầu) thị trường dẫn dắt, và do vậy chỉ nên có chức năng *điều chỉnh, điều tiết*?

Sự thành công của Nhà nước Nhật Bản, cũng như các nước công nghiệp mới ở Đông Á, là những gợi ý cho các mô hình, chính sách phát triển khác với mô hình các nước XHCN (tức các nền kinh tế kế hoạch tập trung kiểu Liên Xô) và khác với cả các nước tư bản phát triển Âu - Mỹ, vốn dựa trên niềm tin vào “hiệu quả của thị trường cạnh tranh”.

Vấn đề nghiên cứu trung tâm của các tranh luận không phải là mô hình nhà nước nào là tốt nhất cho sự phát triển, mà là “liệu mô hình nhà nước kiến tạo phát triển có phải là mô hình *tốt hơn* so với mô hình nhà nước tự do Âu - Mỹ đối với *các nước đang phát triển* hay không” trong điều kiện cạnh tranh thị trường hiện tại. Chalmers Johnson và nhiều tác giả khác tin tưởng rằng, mô hình nhà nước kiến tạo phát triển đúng là tốt hơn với các điều kiện nhất định, mà nổi bật là về các thể chế chính trị của nó.

Có thể thấy, cho đến nay nội hàm của khái niệm “nhà nước kiến tạo phát triển” được các nhà nghiên cứu đưa ra gồm những nội dung sau:

1) “Nhà nước kiến tạo phát triển” phải là một mô hình nhà nước pháp quyền, dân chủ;

2) Các cơ quan nhà nước hoạt động công khai, minh bạch và có trách nhiệm giải trình; đội ngũ công chức viên chức được tuyển chọn cạnh tranh, công bằng, đủ năng lực, tầm nhìn và tài năng để hoạch định chính sách phát triển, xây dựng các thể chế phát triển, phục vụ phát triển;

3) Nhà nước không can thiệp sâu vào đời sống kinh tế-xã hội của người dân và doanh nghiệp, chuyển từ vai trò quản lý, điều hành sang vai trò kiến tạo phát triển, như định hướng phát triển, hỗ trợ phát triển và quản trị rủi ro trong phát triển;

4) Phi tập trung hóa quyền lực nhà nước, phân quyền và phân cấp rõ ràng, tạo điều kiện để các cơ quan nhà nước các cấp có khả năng độc lập, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình trong quá trình thực thi quyền lực nhà nước;

5) Quan hệ chặt chẽ với doanh nghiệp và người dân, tận tụy phục vụ nhu cầu phát triển của doanh nghiệp và người dân, tạo ra các điều kiện để mọi doanh nghiệp, mọi người dân được bình đẳng và tham gia sáng tạo vào quá trình tìm kiếm phúc lợi cho bản thân trên cơ sở làm bất cứ việc gì pháp luật không cấm.

II. Các yếu tố thành công của Nhà nước kiến tạo phát triển

Từ các đóng góp chính về lý thuyết như trên, có thể tạm thời tổng kết một số luận điểm chính về các yếu tố làm nên thành công của một nhà nước kiến tạo phát triển như sau:

1. Nhà nước kiến tạo phát triển phải có tầm nhìn phát triển nhất quán và xuyên suốt

Đặc điểm đầu tiên, và như đã được nhấn mạnh, là về *tính chính trị* của nhà nước kiến tạo phát triển. Một trong các đòi hỏi quan trọng nhất chính là về *lãnh đạo chính trị nói riêng*, và *chính trị nói chung*. Nhà nước kiến tạo phát triển cần có một đội ngũ lãnh đạo chính trị có tầm nhìn phát triển, vì bản thân việc “chủ động dẫn dắt” đòi hỏi phải có một tầm nhìn xuyên suốt, nhất quán và tập trung vào các mục tiêu phát triển của toàn bộ quốc gia, tức một tầm nhìn chung, được chia sẻ và ủng hộ rộng rãi của toàn đất nước. Tầm nhìn như vậy cũng là hệ tiêu chí cho việc thảo luận và xác định các ưu tiên chính sách, quy tụ nguồn lực tập trung cho đột phá trong các điều kiện cạnh tranh khốc liệt với các nước có những lợi thế khổng lồ vì đi trước và hiện đang chiếm lĩnh các vị trí thống trị.

Quan trọng hơn, tầm nhìn phát triển như vậy cho phép sự quy tụ, đoàn kết vì nó cung cấp *nền tảng tư tưởng và hệ giá trị* cho các liên minh chính trị nhằm giữ được môi trường chính trị ổn định cũng như khả năng tập trung quyền lực cho các thể chế nhà nước đóng vai trò then chốt trong điều phối chiến lược kinh tế dài hạn, vốn không dễ dàng được chấp nhận vì các lợi ích ngắn hạn ngăn cản.

Trong các nghiên cứu lý thuyết cũng như kinh nghiệm của các nhà nước kiến tạo phát triển, đặc biệt tại các nước công nghiệp mới ở Đông Á, sự xuất hiện của tầng lớp lãnh đạo chính trị như vậy *thường xuất hiện* do 3 yếu tố quan trọng sau: 1) Có sự *cam kết được chia sẻ* giữa các nhóm có quan điểm chính trị khác nhau; 2) Nguồn lực, tài nguyên quốc gia *hạn hẹp*; 3) Có những mối *đe dọa nghiêm*

trọng về an ninh quốc gia và tồn vong của dân tộc (Meredith Woo-Cumings, 1999).

Cũng có các ý kiến khác về chi tiết, nhưng về căn bản đều lập luận xoay quanh vấn đề rằng: tầng lớp lãnh đạo chính trị dám quyết đoán và có sự ưu tiên rõ rệt trong chính sách đều chỉ có thể xuất hiện trong điều kiện xã hội *chưa có các sức ép dân chủ rộng rãi*. Đây cũng là một đặc điểm quan trọng của cấu trúc xã hội và đặc điểm chính trị cụ thể mang tính lịch sử.

Khi nhìn nhận toàn bộ sự phức tạp và khó lường của các tương tác chính trị như vậy, luận điểm về tầm nhìn chính trị này thực ra chính là luận điểm về sự tồn tại của *ý chí chính trị chung, mạnh mẽ*, làm nền tảng cho việc xây dựng một nhà nước kiến tạo phát triển.

2. Bộ máy quản lý, hành chính hiệu quả và trung lập

Về *tính kỹ trị* của các thể chế nhà nước: Các cơ quan của nhà nước đóng vai trò lớn (và có quyền lực lớn) trong việc *xác định ưu tiên chính sách* cũng như trong việc *thực hiện các ưu tiên đó*, bộ máy quản lý nhà nước vừa phải có tính chuyên nghiệp và năng lực phân tích cao, vừa phải xuất phát từ lợi ích phát triển chung của quốc gia, không bị chi phối bởi các lợi ích nhóm.

Có thể thấy nếu chức năng cốt lõi của *lãnh đạo chính trị* là đưa ra tầm nhìn, tư tưởng và hệ giá trị chủ đạo thì các nhà *quản lý kỹ trị* phải có sự *tinh thông nghề nghiệp* và sự *khách quan, không thiên vị* trong việc thực hiện tầm nhìn và chuyển tải các giá trị chung đó.

Trong các nghiên cứu trường hợp thực tế, các nhà nước kiến tạo phát triển thành công đều có đội ngũ công chức hành chính xuất sắc theo các ý tưởng của

Weber, mà nổi bật là 3 đặc điểm: i) Hệ thống tuyển dụng *dựa trên năng lực* (thi tuyển) (meritocratic recruitment); ii) Hệ thống *khuyến khích sự thăng tiến* nghề nghiệp (lương, bổng, bảo hiểm, v.v...); iii) Hệ thống đảm bảo sự *tôn vinh danh* và *thẩm quyền chính đáng* của các công chức nhà nước (Chalmers Johnson 1982, 1985; Peter B. Evans, 1995).

Bộ máy quản lý hành chính như vậy mới có thể đảm nhận được 3 chức năng cốt lõi của nhà nước kiến tạo phát triển: i) Có khả năng *lập các kế hoạch phát triển dài hạn và thực thi*; ii) Không bị chi phối bởi *lợi ích nhóm*; iii) Có khả năng *thuyết phục, huy động khu vực tư tập trung nguồn lực*, cũng như *trừng phạt* các công ty không tuân thủ các tiêu chí, ưu tiên chính sách mà nhà nước chủ động đặt ra.

Cả 3 chức năng cốt lõi của bộ máy quản lý, hành chính trong nhà nước kiến tạo phát triển như vậy là khác xa so với trong mô hình nhà nước điều chỉnh. Điểm khác biệt căn bản ở đây là đặt niềm tin vào vai trò chủ động của nhà nước và hiệu quả của kế hoạch thay cho niềm tin vào sự hợp lý, hiệu quả của thị trường cạnh tranh.

Trong cách nhìn của chủ nghĩa Tân tự do, nhà nước chỉ can thiệp vào “các thất bại của thị trường” mà hàng hóa công, độc quyền, bất đối xứng thông tin và ngoại ứng là các trường hợp kinh điển. Tuy nhiên, nếu nhìn cả từ góc độ chính trị thì bản thân khái niệm này cũng đã gây tranh cãi. Ví dụ điển hình chính là phê phán của K. Marx về sự phân phối bất bình đẳng về thu nhập. Sự bất bình đẳng đó, trong quan niệm của nhiều người, sẽ là “thất bại của thị trường”. Tuy nhiên đó sẽ là điều bình thường, và thậm chí là điều cần thiết cho “hiệu quả của thị trường”, vì nó trừng phạt các công ty yếu kém và thưởng cho

các công ty hiệu quả, sáng tạo. Nói cách khác, sự bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập chính là cơ chế thúc đẩy sáng tạo và phát triển, không phải là sự thất bại của thị trường và đương nhiên không cần sự can thiệp của nhà nước. Mọi sự can thiệp của nhà nước, ngoại trừ trong các “thất bại” mà hệ tư tưởng này định nghĩa, đều được coi là làm méo mó và làm giảm hiệu quả các hoạt động kinh tế.

Ngay cả khi “thị trường thất bại” thì nhà nước cũng chưa chắc đã làm tốt hơn, và cần phải cân nhắc việc sống chung với “thất bại của thị trường” còn hơn với “thất bại của nhà nước”. Như vậy, nhà nước kiến tạo phát triển cần phải làm được các chức năng của mình *tốt hơn và hiệu quả hơn* thị trường.

3. Quan hệ công-tư hòa hợp

Vì mọi kết quả cuối cùng đều xoay quanh các doanh nghiệp, do vậy nhà nước kiến tạo phát triển cần có các chính sách và thiết lập các hệ thống để khuyến khích các đơn vị có hiệu quả, trừng phạt những đơn vị không hiệu quả. Sự can thiệp, điều chỉnh và các chính sách pháp luật của nhà nước cần phải đặt lợi ích sản xuất của các doanh nghiệp làm ưu tiên, với một nguyên tắc trung tâm là tập trung thúc đẩy hiệu quả sản xuất của khu vực tư nhân.

Quan hệ công-tư hòa hợp như vậy có thể được thực hiện qua một loạt các công cụ như bảo hộ mậu dịch, chính sách miễn giảm thuế, trợ giúp vốn, v.v... một cách chọn lọc và nhất quán với tầm nhìn chiến lược. Trong một số trường hợp, có thể mở rộng các công cụ này sang cả các lĩnh vực như tài trợ cho R&D, đào tạo nghề bảo hiểm xã hội. Các chính sách bảo trợ và xây dựng các thể chế phòng ngừa rủi ro cũng là những công cụ quan trọng để đẩy mạnh các doanh nghiệp khởi nghiệp

(Start-up companies), vốn dựa trên các phát minh, ý tưởng sáng tạo mới, hàm chứa nhiều rủi ro nhưng cũng có thể mang lại hiệu quả kinh doanh lớn. Điểm cốt lõi ở đây là mối quan hệ hòa hợp, cùng có lợi cho cả quốc gia cũng như từng doanh nghiệp.

4. Quản trị hiệu quả và công bằng

Nhà nước kiến tạo phát triển khi tập trung phát triển kinh tế cũng đồng thời phải *khắc phục sự bất bình đẳng*, tạo dựng được sự đồng thuận xã hội và chia sẻ rộng rãi các thành quả phát triển. Các nhà nước kiến tạo phát triển Đông Á đều đã làm rất tốt vấn đề này, vì chính phủ các nước này đã tính tới vấn đề bất bình đẳng từ rất sớm và có các chính sách thích hợp để phát triển kinh tế đi đôi với quá trình khắc phục sự bất bình đẳng.

Có hai yếu tố mà các nghiên cứu chỉ ra từ thành công của các nhà nước kiến tạo phát triển Đông Á là:

1) Tầng lớp lãnh đạo, trong khi nắm giữ quyền lực tập trung, đã thể hiện một cam kết mạnh mẽ về xóa đói giảm nghèo, và quan tâm đến việc này từ những giai đoạn đầu. Sự quan tâm này được tích hợp vào các chính sách xã hội đưa đến sự phân phối tương đối bình đẳng, mức độ thất nghiệp thấp và tốc độ giảm nghèo nhanh.

2) Tầng lớp lãnh đạo cũng đưa tiêu chí về phát triển kinh tế như là một tiêu chí cốt lõi nhất của hiệu quả lãnh đạo và là cơ sở cho tính chính đáng chính trị của sự cầm quyền. Nói cách khác, đây chính là cơ sở của liên minh chính trị rộng rãi - sự liên minh trên cơ sở *tăng trưởng kinh tế* và lợi ích phát triển chung. Chính cơ sở này đã đảm bảo sự ổn định chính trị và tính chính đáng của các chế độ chính trị tại các nước này trong thời gian dài.

Chalmers Johnson cho rằng, ở các nước Đông Á, tính chính đáng chính trị không dựa vào 3 dạng thức mà Weber đã tổng kết (truyền thống lịch sử, hợp pháp-duy lý và sức cuốn hút cá nhân) mà là một kiểu riêng được ông gọi là tính chính đáng cải cách (revolutionary legitimacy) - tức lãnh đạo chính trị được người dân tự nguyện và tuân thủ trên cơ sở hiệu quả của sự cải cách và đổi mới. Tính chính đáng của quyền lực chính trị như vậy *không phải dựa trên quá trình cầm quyền mà dựa vào kết quả của sự cầm quyền*, với hai trụ cột là tăng trưởng kinh tế và sự bình đẳng trong thu nhập.

* * *

Vấn đề xây dựng “nhà nước kiến tạo phát triển” đang thu hút sự chú ý của dư luận, sự quan tâm của các nhà khoa học, giới chuyên gia và đặc biệt là các nhà lãnh đạo các chính phủ. Việc xây dựng một khuôn khổ lý thuyết chắc chắn nhằm cắt nghĩa nguồn gốc khái niệm, những đặc điểm chính của nhà nước kiến tạo phát triển là yêu cầu thực tiễn đặt ra. Trên cơ sở đó phân biệt rõ nhà nước kiến tạo phát triển với các mô hình nhà nước khác.

Mô hình nhà nước kiến tạo phát triển được thực hiện ở các nước như thế nào? Những thành công, thất bại từ việc áp dụng mô hình nhà nước đó ra sao? Từ đó có thể rút ra những giá trị tham chiếu gì trong quá trình xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển ở Việt Nam? Đây là những vấn đề đặt ra đòi hỏi tiếp tục nghiên cứu để có câu trả lời xác đáng. Bài viết xin dừng lại ở sự gợi mở những vấn đề trên □

Tài liệu tham khảo

1. A.K. Bagchi (2003), *The Developmental state in history and in the twentieth*

century, Regency Publications, New Delhi

2. Chalmers Johnson (1982), *MITI and the japanese miracle*, Stanford, Stanford University Press, CA.
3. Chalmers Johnson (1985), “Political institutions and economic performance: The government-business relations in Japan, South Korea, and Taiwan”, in: Robert Scalapino, Seizaburo Sato, Jusuf Wanandi (ed., 1985), *Asian economic development: present and future*, University of California Press, Berkeley.
4. Chalmers Johnson (1986), “The nonsocialist NICs: East Asia”, *International Organization*, 40(2): 557-565.
5. D. Acemoglu and J. Robinson (2012), *The origin of power, prosperity, and Poverty: Why nations fails*, Random House, New York.
6. Ha-Joon Chang (2003), *Globalisation, economic development and the role of the state*, Zed Books, London.
7. Ha-Joon Chang (2010), “How to ‘do’ a developmental state: Political, organizational, and human resource requirements for the developmental state”, in: O. Edigheji (ed., 2010), *Constructing a democratic developmental state in South Africa - Potentials and challenges*, Human Science Research Council Press, Cape Town.
8. Meredith Woo-Cumings (1999), *The developmental state*, Cornell University Press, New York.
9. Peter B. Evans (1995), *Embedded autonomy: States and industrial transformation*, Princeton University Press, Princeton.